

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3544 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1182/QĐ-UBND ngày 15/4/2011 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh Thanh Hóa; số 3578/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh Thanh Hóa; số 2684/QĐ-UBND ngày 02/8/2013 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 6230/UBND-CN ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4693/SXD-HĐXD ngày 29/8/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh Thanh Hóa với những nội dung sau:

1. Khái quát dự án:

Dự án đầu tư Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 15/4/2011, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 31/10/2012, Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 02/8/2013 với tổng mức đầu tư là 90.012 triệu đồng; phê duyệt điều chỉnh mức đầu tư hạng mục thiết bị tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 của

Chủ tịch UBND tỉnh, với mức đầu tư hạng mục thiết bị là 10.959 triệu đồng.

Hiện nay, các hạng mục: Nhà điều trị 5 tầng (cả cung cấp lắp đặt thiết bị), phá dỡ công trình cũ, cấp thoát nước ngoài nhà, cấp điện ngoài nhà (cả TBA), PCCC (cả thiết bị chữa cháy) đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán; các hạng mục: hợp khối nhà khoa dinh dưỡng, chống nhiễm khuẩn và nhà khoa được cải tạo, cải tạo nhà điều trị 03 tầng N2 đang thực hiện; các hạng mục: cải tạo nhà khám hành chính N1, nhà để xe đạp, xe máy, gara ô tô, nhà thường trực, cổng hàng rào, nhà cầu, sân đường nội bộ, vườn hoa cây+ cảnh, tượng Hải Thượng Lãn Ông chưa thực hiện.

2. Lý do điều chỉnh: Thực hiện theo nội dung chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 6230/UBND-CN ngày 06/6/2017 về việc điều chỉnh dự án Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh Thanh Hóa.

3. Nội dung điều chỉnh và các giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Điều chỉnh giá nguyên, nhiên vật liệu, chi phí nhân công, máy thi công các hạng mục chưa thực hiện theo chế độ chính sách hiện hành.

b) Hạng mục Cải tạo nhà khám, hành chính N1

- Bổ sung đo vẽ hiện trạng, kiểm định chất lượng công trình;

- Kết cấu chính của nhà được giữ nguyên, bóc bỏ toàn bộ lớp gạch lát nền sàn cũ, lát lại bằng gạch ceramic; bóc bỏ toàn bộ lớp trát tường, trần cũ, trát lại, lăn sơn trực tiếp, riêng tường phòng, hành lang có bệnh nhân tiếp cận ốp gạch men kính; thay thế toàn bộ cửa bằng cửa nhựa lõi thép, hoa sắt bằng inox; cải tạo lại khu vệ sinh: ốp lát lại tường, sàn, thay thế thiết bị vệ sinh; cầu thang, sảnh lát đá granite; tay vịn cầu thang, lan can bằng inox; thay thế toàn bộ hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, thiết bị PCCC; không thực hiện bổ sung bước cột phía trước công trình.

c) Hạng mục Cổng, tường rào, nhà để xe, nhà thường trực, gara ô tô

- Điều chỉnh vị trí cổng về phía Tây, cổng Inox tự động dài 5,4m; tường rào xây gạch VXM mác 50, chiều cao tường rào 2,4m; trụ cổng xây gạch, kích thước 700x700mm; trụ tường rào xây gạch, bố trí cách nhau 2,8m, kích thước 330x330mm.

- Điều chỉnh diện tích nhà để xe đạp, xe máy từ 49 m² thành 72 m², dịch chuyển vị trí về phía Đông Bắc của khu đất.

- Chuyển vị trí gara ô tô ngoài cổng vào phía trong gần nhà nổi hơi.

- Thiết kế nhà thường trực mới có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình vuông kích thước 4x4m. Chiều cao công trình là 4,2m; cos nền công trình cao hơn với cos sân là 0,2m. Tường xây bằng gạch không nung. Nền, sàn lát gạch ceramic. Hệ thống cửa đi cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm kính. Kết cấu là hệ khung BTCT đá 1x2 mác 200, mái xây tường thu hồi, gác xà gồ, lợp tôn

d) Bổ sung hạng mục nhà cầu nối giữa nhà điều trị 3 tầng N2 với hợp khối nhà khoa dinh dưỡng, chống nhiễm khuẩn và nhà khoa được cải tạo.

e) Bổ sung thiết bị:

- Hạng mục cải tạo nhà khám, hành chính N1: bổ sung hệ thống xếp hàng tự động, loa đài, ghế chờ khám, máy lọc nước, hệ thống điều hòa phòng khám, thiết bị phòng giao ban, thiết bị phòng hội trường (bàn ghế, phong rèm, bức thuyết trình, tượng Bác Hồ, máy chiếu, điều hòa nhiệt độ).

- Hạng mục cải tạo nhà điều trị 03 tầng N2: bổ sung hệ thống gọi y tá, máy lọc nước, bình nóng lạnh, hệ thống điều hòa nhiệt độ phòng bệnh nhân, xe cáng.

4. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 89.825.814.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng : 58.138.513.000 đồng;
- Chi phí thiết bị : 17.961.450.000 đồng;
- Chi phí QLDA : 1.287.214.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 7.916.076.000 đồng;
- Chi phí khác : 988.060.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 3.534.500.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết TMĐT kèm theo).

5. Các nội dung khác: Thực hiện theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: số 1182/QĐ-UBND ngày 15/4/2011, số 3578/QĐ-UBND ngày 31/10/2012, số 2684/QĐ-UBND ngày 02/8/2013.

Điều 2. Chủ đầu tư (Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh Thanh Hóa) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

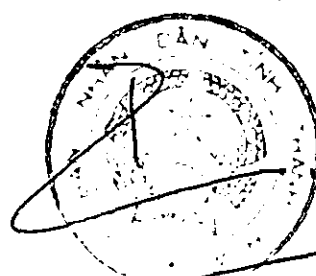
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, PCVP Phạm Đình Minh;
- Lưu: VT, CN.(M9 2)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án: Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: 3544/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt			Giá trị quyết toán số 2848/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	Giá trị xây lắp, thiết bị, chi phí TVXD và chi phí khác theo hợp đồng và các quyết định riêng của các gói thầu đang thực hiện		Điều chỉnh, bổ sung theo nội dung Công văn số 6230/UBND-CN ngày 06/6/2017 của UBND tỉnh	Tổng mức đề nghị điều chỉnh	Chênh lệch Tăng(+); giảm (-)
		TMDT tại QĐ số 2684/QĐ-UBND ngày 02/8/2013	Điều chỉnh mức đầu tư tại QĐ số 2480/QĐ-UBND ngày 05/8/2014	Tổng cộng	Gói thầu 04, 7a và một số chi phí tư vấn	Gói thầu số 05a	Gói thầu số 5b			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(6)+(7)+(8)+(9)	(11)=(10)-(5)
	Tổng mức đầu tư (I+II+III+IV+V+VI)	90.012.000	11.826.000	93.451.100	47.412.331	13.946.613	7.426.910	21.039.960	89.825.814	-3.625.286
I	Chi phí xây dựng	66.203.000		66.203.000	32.192.226	6.721.364	6.237.673	12.987.250	58.138.513	-8.064.487
1	Nhà điều trị 5 tầng	30.720.000		30.720.000	30.092.278				30.092.278	-627.722
2	Cải tạo nhà khám, hành chính (N1)	9.328.000		9.328.000				9.328.000	9.328.000	0
3	Cải tạo nhà điều trị 03 tầng (N2)	6.857.000		6.857.000			6.237.673		6.237.673	-619.327
4	Hợp khối nhà khoa dinh dưỡng, chống nhiễm khuẩn và nhà khoa được cải tạo và nhà nội hơi	13.653.000		13.653.000		6.721.364			6.721.364	-6.931.636
5	Nhà để xe đạp, xe máy	84.000		84.000				180.000	180.000	96.000
6	Gara ô tô	137.000		137.000				283.500	283.500	146.500
7	Nhà thường trực							149.750	149.750	
8	Công	386.000		386.000				200.000	200.000	138.750
9	Hàng rào							175.000	175.000	
10	Nhà cầu	296.000		296.000				621.000	621.000	325.000
11	Sân đường nội bộ	981.000		981.000				990.000	990.000	9.000
12	Phá dỡ công trình cũ	355.000		355.000	104.885				104.885	-250.115
13	Cấp, thoát nước ngoài nhà	659.000		659.000	829.055				829.055	170.055
14	Cấp điện ngoài nhà (cả TBA), PCCC	1.369.000		1.369.000	1.166.008				1.166.008	-202.992

TT		Tổng mức đầu tư của dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt			Giá trị quyết toán số 2848/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	Giá trị xây lắp, thiết bị, chi phí TVXD và chi phí khác theo hợp đồng và các quyết định riêng của các gói thầu đang thực hiện		Điều chỉnh, bổ sung theo nội dung Công văn số 6230/UBND-CN ngày 06/6/2017 của UBND tỉnh	Tổng mức đề nghị điều chỉnh	Chênh lệch Tăng(+); giảm (-)
		TMDT tại QĐ số 2684/QĐ-UBND ngày 02/8/2013	Điều chỉnh mức đầu tư tại QĐ số 2480/QĐ-UBND ngày 05/8/2014	Tổng cộng	Gói thầu 04, 7a và một số chi phí tư vấn	Gói thầu số 05a	Gói thầu số 5b			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(6)+(7)+(8)+(9)	(11)=(10)-(5)
15	Vườn hoa cây cảnh, tượng Hải Thượng Lãn Ông	1.060.000		1.060.000				1.060.000	1.060.000	0
16	Chống mối	318.000		318.000					0	-318.000
II	Chi phí thiết bị	7.445.000	10.959.000	10.959.000	8.836.550	4.727.900		4.397.000	17.961.450	7.002.450
1	Nhà điều trị 5 tầng	5.412.000	8.926.000	8.926.000	8.836.550				8.836.550	-89.450
2	Hợp khối nhà khoa dinh dưỡng, chống nhiễm khuẩn và nhà khoa được cải tạo	2.033.000	2.033.000	2.033.000		4.727.900			4.727.900	2.694.900
3	Cải tạo nhà khám, hành chính (N1)							1.911.000	1.911.000	1.911.000
4	Cải tạo nhà điều trị 03 tầng (N2)							2.486.000	2.486.000	2.486.000
III	Chi phí quản lý dự án	1.195.000	177.800	1.258.000	666.133	261.043	101.237	258.800	1.287.214	29.214
IV	Chi phí tư vấn ĐTXD	6.459.000	105.400	6.496.900	5.168.280	810.451	689.954	1.247.391	7.916.076	1.419.176
1	Chi phí khảo sát xây dựng	367.100		367.100	426.002	63.319	67.005	59.269	615.595	248.495
2	Chi phí điều chỉnh TMBXD				19.558				19.558	19.558
3	Chi phí lập dự án, điều chỉnh dự án	343.800		343.800	343.800			110.912	454.712	110.912
4	Chi phí TKBVTC và Dự toán	2.240.000		2.240.000	2.086.936				2.086.936	-153.064
5	Chi phí lập điều chỉnh TKBVTC và DT	900.000		900.000	881.104	285.725	265.163	320.785	1.752.777	852.777
6	Chi phí thẩm tra TKBVTC	87.300		87.300	163.151				163.151	-8.749
7	Chi phí thẩm tra dự toán	84.600		84.600						
8	Chi phí thẩm tra điều chỉnh TKBVTC và DT	100.000		100.000	78.993	24.918	25.325	43.637	172.873	72.873
9	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị	114.100	31.500	125.400	72.004	22.899	21.021	71.670	187.594	62.194
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.236.400		1.236.400	609.482	176.637	163.926	426.631	1.376.677	140.277
11	Chi phí giám sát thi công lắp đặt thiết bị	47.400	74.000	74.000	59.647	31.913		37.111	128.671	54.671
12	Chi phí kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình	449.300		449.300	230.700				230.700	-218.600
13	Chi phí giám sát đánh giá dự án	239.000		239.000		57.430	20.248	51.760	129.438	-109.562
14	Chi phí thực hiện một số công việc tư vấn khác (nén tĩnh cọc, đánh giá tác động môi trường,...)	250.000		250.000	196.903				196.903	-53.097

TT	 Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt			Giá trị quyết toán số 2848/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	Giá trị xây lắp, thiết bị, chi phí TVXD và chi phí khác theo hợp đồng và các quyết định riêng của các gói thầu đang thực hiện		Điều chỉnh, bổ sung theo nội dung Công văn số 6230/UBND-CN ngày 06/6/2017 của UBND tỉnh	Tổng mức đề nghị điều chỉnh	Chênh lệch Tăng(+); giảm (-)
		TMDT tại QĐ số 2684/QĐ-UBND ngày 02/8/2013	Điều chỉnh mức đầu tư tại QĐ số 2480/QĐ-UBND ngày 05/8/2014	Tổng cộng	Gói thầu 04, 7a và một số chi phí tư vấn	Gói thầu số 05a	Gói thầu số 5b			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(6)+(7)+(8)+(9)	(11)=(10)-(5)
15	Chi phí kiểm định đánh giá chất lượng hiện trạng công trình					147.610	127.266	125.616	400.492	400.492
V	Chi phí khác	527.000	20.600	532.600	549.142	157.740	44.384	236.795	988.060	455.460
1	Chi phí bảo hiểm công trình	221.000		221.000	123.151	20.164	18.713	38.962	200.990	-20.010
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	69.600	19.600	75.200	88.890	17.646		70.754	177.290	102.090
3	Chi phí kiểm toán	217.500		217.500	327.401	63.985		109.695	501.081	283.581
4	Lệ phí thẩm định dự án	12.200		12.200	9.700				9.700	-2.500
5	Lệ phí thẩm định KQĐT	6.700	1.000	6.700		10.408	5.671	17.384	33.464	26.764
6	Chi phí kiểm tra nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	0		0		30.000	20.000		50.000	50.000
7	Chi phí thẩm duyệt PCCC					15.536			15.536	15.536
VI	Chi phí dự phòng	8.183.000	563.100	8.001.600		1.268.115	353.662	1.912.724	3.534.500	-4.467.100

Ghi chú:

- Gói thầu số 04: Phá dỡ công trình cũ, xây dựng nhà điều trị 06 tầng, cấp thoát nước ngoài nhà, cấp điện ngoài nhà (cá trạm biến áp), PCCC
- Gói thầu số 5a: Xây dựng mới hợp khối nhà khoa dinh dưỡng, chống nhiễm khuẩn, nhà khoa được cải tạo và nhà nổi hơi
- Gói thầu số 5b: Cải tạo nhà điều trị 3 tầng N2
- Gói thầu số 7a: Cung cấp, lắp đặt thiết bị nhà 5 tầng
- Gói thầu số 7b: Cung cấp, lắp đặt thiết bị nhà điều trị 3 tầng, nhà khoa được và các hạng mục phụ trợ khác